

6. Tin học	231							80	24	1	62	27	2	89	34	5
Hoàn thành tốt	93							36	14	0	23	8	0	34	16	0
Hoàn thành	138							44	10	1	39	19	2	55	18	5
Chưa hoàn thành	0							0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. Đạo đức	375	67	28	0	77	34	0	80	24	1	62	27	2	89	34	5
Hoàn thành tốt	231	51	21	0	53	28	0	46	18	0	36	16	0	45	21	1
Hoàn thành	143	15	6	0	24	6	0	34	6	1	26	11	2	44	13	4
Chưa hoàn thành	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. Âm nhạc	375	67	28	0	77	34	0	80	24	1	62	27	2	89	34	5
Hoàn thành tốt	189	44	17	0	40	21	0	42	17	0	29	17	0	34	19	0
Hoàn thành	186	23	11	0	37	13	0	38	7	1	33	10	2	55	15	5
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. Mĩ thuật	375	67	28	0	77	34	0	80	24	1	62	27	2	89	34	5
Hoàn thành tốt	197	44	17	0	41	21	0	42	16	0	28	10	0	42	20	0
Hoàn thành	178	23	11	0	36	13	0	38	8	1	34	17	2	47	14	5
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Thủ công, Kỹ thuật	151										62	27	2	89	34	5
Hoàn thành tốt	77										34	16	0	43	20	0
Hoàn thành	74										28	11	2	46	14	5
Chưa hoàn thành	0										0	0	0	0	0	0
11. Thể dục	375	67	28	0	77	34	0	80	24	1	62	27	2	89	34	5
Hoàn thành tốt	207	47	19	0	40	19	0	47	15	0	28	12	0	45	24	0
Hoàn thành	167	19	8	0	37	15	0	33	9	1	34	15	2	44	10	5
Chưa hoàn thành	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12 Công nghệ	80							80	24	1						
Hoàn thành tốt	39							39	14	0						
Hoàn thành	41							41	10	1						
Chưa hoàn thành	0							0	0	0						
13. Hoạt động trải nghiệm	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Hoàn thành tốt	151	48	19	0	54	27	0	49	17	0						
Hoàn thành	73	19	9	0	23	7	0	31	7	1						

Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0							
II. Năng lực (Khối 4-5)																	
1. Tự phục vụ, tự quản	151											62	27	2	89	34	5
Tốt	103											39	17	0	64	27	1
Đạt	48											23	10	2	25	7	4
Cần cố gắng	0											0	0	0	0	0	0
2. Hợp tác	151											62	27	2	89	34	5
Tốt	102											41	20	0	61	27	1
Đạt	49											21	7	2	28	7	4
Cần cố gắng	0											0	0	0	0	0	0
3. Tự học và giải quyết VĐ	151											62	27	2	89	34	5
Tốt	81											32	14	0	49	20	0
Đạt	70											30	13	2	40	14	5
Cần cố gắng	0											0	0	0	0	0	0
III. Phẩm chất (Khối 4-5)																	
1. Chăm học chăm làm	151											62	27	2	89	34	5
Tốt	99											38	20	0	61	26	1
Đạt	52											24	7	2	28	8	4
Cần cố gắng	0											0	0	0	0	0	0
2. Tự tin trách nhiệm	151											62	27	2	89	34	5
Tốt	97											34	17	0	63	28	1
Đạt	54											28	10	2	26	6	4
Cần cố gắng	0											0	0	0	0	0	0
3. Trung thực, kỷ luật	151											62	27	2	89	34	5
Tốt	111											44	20	1	67	29	1
Đạt	40											18	7	1	22	5	4
Cần cố gắng	0											0	0	0	0	0	0
4. Đoàn kết, yêu thương	151											62	27	2	89	34	5
Tốt	121											45	22	0	76	32	2
Đạt	30											17	5	2	13	2	3
Cần cố gắng	0											0	0	0	0	0	0

<i>II. Năng lực cốt lõi</i>	<i>Khối 1,2,3 theo TT27</i>															
1. Tự chủ và tự học	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	163	50	21	0	46	25	0	67	22	0						
Đạt	61	17	7	0	31	9	0	13	2	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
2. Giao tiếp và hợp tác	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	163	52	22	0	43	24	0	68	22	0						
Đạt	61	15	6	0	34	10	0	12	2	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
3. QCVĐ và sáng tạo	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	146	43	18	0	44	24	0	59	20	0						
Đạt	78	24	10	0	33	10	0	21	4	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
4. Ngôn ngữ	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	137	45	18	0	49	27	0	43	16	0						
Đạt	86	21	9	0	28	7	0	37	8	1						
Cần cố gắng	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0						
5. Tính toán	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	151	51	20	0	52	25	0	48	15	0						
Đạt	71	14	6	0	25	9	0	32	9	1						
Cần cố gắng	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0						
6. Khoa học	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	145	48	18	0	44	24	0	53	18	0						
Đạt	79	19	10	0	33	10	0	27	6	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
7. Công nghệ	80	0	0	0	0	0	0	80	24	1						
Tốt	40	0	0	0	0	0	0	40	15	0						
Đạt	40	0	0	0	0	0	0	40	9	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
8. Tin học	80	0	0	0	0	0	0	80	24	1						
Tốt	42	0	0	0	0	0	0	42	15	0						

Đạt	38	0	0	0	0	0	0	38	9	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
9. Thẩm mỹ	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	145	47	17	0	57	28	0	41	16	0						
Đạt	79	20	11	0	20	6	0	39	8	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
10. Thể chất	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	152	51	20	0	51	26	0	50	15	0						
Đạt	72	16	8	0	26	8	0	30	9	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
III. Phẩm chất chủ yếu	Khối 1,2,3 theo TT27															
1. Yêu nước	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	214	67	28	0	77	34	0	70	24	0						
Đạt	10	0	0	0	0	0	0	10	0	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
2. Nhân ái	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	216	67	28	0	74	33	0	75	24	0						
Đạt	8	0	0	0	3	1	0	5	0	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
3. Chăm chỉ	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	190	65	27	0	54	29	0	71	22	0						
Đạt	34	2	1	0	23	5	0	9	2	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
4. Trung thực	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	211	66	28	0	70	31	0	75	24	0						
Đạt	13	1	0	0	7	3	0	5	0	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
5. Trách nhiệm	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
Tốt	191	64	27	0	60	30	0	67	22	0						
Đạt	33	3	1	0	17	4	0	13	2	1						
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						

IV. Đánh giá KQHT	224	67	28	0	77	34	0	80	24	1						
- Hoàn thành xuất sắc	52	16	7	0	19	8	0	17	8	0						
- Hoàn thành tốt	54	21	8	0	15	9	0	18	6	0						
- Hoàn thành	115	27	11	0	43	17	0	45	10	1						
- Chưa hoàn thành	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0						
V. Khen thưởng	135	37	15	0	34	17	0	35	14	0	29	10	0	14	6	0
- Giấy khen cấp trường	135	37	15	0	34	17	0	35	14	0	29	10	0	14	6	0
- Giấy khen cấp trên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Nghĩa Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Loan